

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải
  - Mã chứng khoán: TCO
  - Địa chỉ: Số 189 đường di Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
  - Điện thoại liên hệ: 02253.978895 Fax: 02253.978895
  - E-mail: congbothongtin@tasagroup.com.vn

**2. Nội dung thông tin công bố:**

Báo cáo tài chính Công ty quý III năm 2023 và giải trình.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/10/2023 tại đường dẫn:

<https://www.tasaduyenhai.com/vi/co-dong/thong-tin-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC Công ty quý III năm 2023 và giải trình..

**Đại diện tổ chức**  
Người được Ủy quyền Công bố thông tin  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**BUI LÊ QUỐC BẢO**

## GIẤY ỦY QUYỀN

(Số: 1210/GUQ-TCO)

- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;
- Căn cứ vào quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;
- Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Người uỷ quyền: (Ông) Phạm Duy**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CCCD số: 031081000007 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 22/11/2021.

**Người được uỷ quyền: (Ông) Bùi Lê Quốc Bảo**

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CCCD số: 082077011399 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 06/10/2022.

### NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

1. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Ông Phạm Duy uỷ quyền cho Ông Bùi Lê Quốc Bảo ký Báo cáo tài chính và các văn bản giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Người uỷ quyền, Công ty và trước pháp luật về công việc được uỷ quyền.
3. Thời hạn uỷ quyền: Việc uỷ quyền này có hiệu lực cho đến khi hoàn thành công việc nêu tại Giấy uỷ quyền này.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**BÙI LÊ QUỐC BẢO**

**NGƯỜI ỦY QUYỀN  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**





**PHẠM DUY**

Số: 79 /CV-TASA DH - 2023  
(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD  
Quý III/2023 )

Hải Phòng, ngày 14 tháng 10 năm 2023

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

- Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải.
- Mã chứng khoán: TCO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 Đường đi Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP Hải Phòng.
- Điện thoại: 02253.978.895 FAX: 02253.978.895

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Quý III/2023	Quý III/2022	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	304.131.684	27.129.463.094	(26.825.331.410)	-98,88%
Giá vốn hàng bán	42.140.079	23.962.575.830	(23.920.435.751)	-99,82%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	261.991.605	3.166.887.264	(2.904.895.659)	-91,73%
Doanh thu hoạt động tài chính	901.140.066	1.804.269.637	(903.129.571)	-50,06%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	853.416.842	3.376.385.483	(2.522.968.641)	-74,72%
Lợi nhuận khác	10.678.471	0	10.678.471	100,00%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	320.393.300	1.594.771.418	(1.274.378.118)	-79,91%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	64.078.660	336.874.283	(272.795.623)	-80,98%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	256.314.640	1.257.897.135	(1.001.582.495)	-79,62%

Trong Quý III/2023, do tình hình kinh tế khó khăn, doanh thu sản xuất kinh doanh dịch vụ sụt giảm sản lượng vì các khách hàng không có đơn hàng xuất nhập khẩu. Doanh thu cung cấp dịch vụ Quý III/2023 giảm 98,88%, lợi nhuận gộp hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 91,73% so với QuýIII/2022. Vì vậy, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý III/2023 giảm 79,62% so với cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu.



Bùi Lê Quốc Bảo

Số: 80/CV-TASA DH - 2023

Hải Phòng, ngày 14 tháng 10 năm 2023

(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD  
09 tháng năm 2023 )

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

- Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải.
- Mã chứng khoán: TCO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 Đường đi Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP Hải Phòng.
- Điện thoại: 02253.978.895 FAX: 02253.978.895

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Từ ngày 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 30/09/2022	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.228.453.430	90.380.300.253	(74.151.846.823)	-82,04%
Giá vốn hàng bán	12.654.075.002	78.009.977.576	(65.355.902.574)	-83,78%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.574.378.428	12.370.322.677	(8.795.944.249)	-71,11%
Doanh thu hoạt động tài chính	4.201.746.666	5.409.805.930	(1.208.059.264)	-22,33%
Chi phí tài chính	2.397.862	63.921	2.333.941	-3651,29%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.750.037.803	9.887.404.515	(5.137.366.712)	-51,96%
Lợi nhuận khác	310.678.471	(5.681)	310.684.152	100,00%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.334.367.900	7.892.654.490	(4.558.286.590)	-57,75%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	682.789.579	1.596.450.898	(913.661.319)	-57,23%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.651.578.321	6.296.203.592	(3.644.625.271)	-57,89%

Trong 09 tháng năm 2023, do tình hình kinh tế khó khăn, doanh thu sản xuất kinh doanh dịch vụ sụt giảm sản lượng vì các khách hàng không có đơn hàng xuất nhập khẩu. Doanh thu cung cấp dịch vụ 09 tháng năm 2023 giảm 82,04%, lợi nhuận gộp hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 71,11% so với 09 tháng năm 2022. Vì vậy, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 57,89% so với cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## QUÝ III NĂM 2023

## MỤC LỤC

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
-	<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2023</i>	<i>1-2</i>
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý III năm 2023</i>	<i>3</i>
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01/01/2023 đến 30/09/2023</i>	<i>4</i>
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2023</i>	<i>5-20</i>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

*Đơn vị tính: đồng*

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>262.262.203.983</b>	<b>273.904.219.500</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>242.873.076</b>	<b>1.230.952.127</b>
1. Tiền	111		242.873.076	1.230.952.127
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>262.005.270.302</b>	<b>272.487.756.454</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2	3.013.792.012	6.755.923.160
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3	70.162.399.150	70.222.904.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4a	188.829.079.140	195.508.929.294
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	<b>130.296.375</b>
1. Hàng tồn kho	141	5	-	130.296.375
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.060.605</b>	<b>55.214.544</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7a	14.060.605	54.172.919
2. Thuế GTGT còn được khấu trừ	152		-	1.041.625
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>101.308.350.424</b>	<b>51.821.277.531</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>51.432.742.840</b>	<b>467.808.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4b	51.432.742.840	467.808.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	<b>842.986.659</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	-	842.986.659
- Nguyên giá	222		-	1.323.944.547
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-	(480.957.888)
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>49.500.000.000</b>	<b>49.500.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		49.500.000.000	49.500.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>375.607.584</b>	<b>1.010.482.872</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7b	375.607.584	1.010.482.872
<b>Tổng cộng tài sản ( 270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>363.570.554.407</b>	<b>325.725.497.031</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023  
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>54.398.049.823</b>	<b>16.985.406.531</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>54.383.049.823</b>	<b>16.970.406.531</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	8	1.240.543.150	2.366.255.941
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	193.182.254
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	1.207.299.374	730.394.949
4. Phải trả người lao động	314		333.546.300	1.504.076.050
5. Chi phí phải trả	315	10	-	671.758.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	11a	5.122.050.382	10.563.365.262
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	45.000.000.000	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.479.610.617	941.374.075
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	11b	15.000.000	15.000.000
<b>D Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>13a</b>	<b>309.172.504.584</b>	<b>308.740.090.500</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>309.172.504.584</b>	<b>308.740.090.500</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.110.000.000	187.110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.110.000.000	187.110.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.926.933.100	29.926.933.100
3. Quỹ đầu tư phát triển	416		2.781.094.734	1.893.429.039
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.354.476.750	89.809.728.361
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		86.702.898.429	80.861.151.458
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.651.578.321	8.948.576.903
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>363.570.554.407</b>	<b>325.725.497.031</b>

Người lập

Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thế An

Hải Phòng, ngày 14 tháng 10 năm 2023

Tổng giám đốc



Bùi Lê Quốc Bảo



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐÀ PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: Số 189 đường đi Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính  
Quý III năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
QUÝ III NĂM 2023**

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	304.131.684	27.129.463.094	16.228.453.430	90.380.300.253
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	03					
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		304.131.684	27.129.463.094	16.228.453.430	90.380.300.253
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	42.140.079	23.962.575.830	12.654.075.002	78.009.977.576
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		261.991.605	3.166.887.264	3.574.378.428	12.370.322.677
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	901.140.066	1.804.269.637	4.201.746.666	5.409.805.930
7	Chi phí tài chính	22				2.397.862	63.921
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	853.416.842	3.376.385.483	4.750.037.803	9.887.404.515
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		309.714.829	1.594.771.418	3.023.689.429	7.892.660.171
10	Thu nhập khác	31	VI.5	10.678.519		310.678.519	114
11	Chi phí khác	32	VI.6	48		48	5.795
12	Lợi nhuận khác	40		10.678.471		310.678.471	(5.681)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		320.393.300	1.594.771.418	3.334.367.900	7.892.654.490
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	64.078.660	336.874.283	682.789.579	1.596.450.898
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		256.314.640	1.257.897.135	2.651.578.321	6.296.203.592

Hai phòng, ngày 14 tháng 10 năm 2023

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thế An

Tổng giám đốc



Bà Lê Quốc Bảo

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/09/2023

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến 30/09/2022
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>3.334.367.900</b>	<b>7.892.654.490</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	93.665.178	93.665.178
- Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.005.755)	(3.500.063)
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05	(4.211.419.430)	(5.402.814.181)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(784.392.107)</b>	<b>2.580.005.424</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(16.077.407.063)	(2.178.582.280)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	130.296.375	(6.359.231)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(683.949.101)	(992.673.229)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	674.987.602	22.254.477
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(663.093.328)	(2.302.052.011)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.715.347.695)	(1.088.493.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(19.118.905.317)</b>	<b>(3.965.899.850)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	1.136.000.000	-
2. Tiền chi hợp tác kinh doanh	23	(118.300.000.000)	
3. Tiền thu hồi hợp tác kinh doanh	24	82.300.000.000	
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(500.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.420.740.911	2.814.181
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(19.443.259.089)</b>	<b>(497.185.819)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	45.000.000.000	
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.426.920.400)	(13.110.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>37.573.079.600</b>	<b>(13.110.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(989.084.806)</b>	<b>(4.476.195.669)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.230.952.127</b>	<b>5.131.341.370</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.005.755	3.500.063
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>242.873.076</b>	<b>658.645.764</b>

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thế An

Hải Phòng, ngày 10 tháng 10 năm 2023

Tổng giám đốc



Bùi Lê Quốc Bảo

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** **QUÝ III NĂM 2023**

### **I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP.**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ Phần số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 08 tháng 07 năm 2023. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty: Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty : **187.110.000.000 đồng**

Mệnh giá cổ phần : **10.000 đồng**

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại, dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:**

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, romooc và bán romooc.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê Container;
- Cho thuê xe có động cơ;

#### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 03 tháng**

#### **5. Danh sách các Công ty con, chi nhánh và tỷ lệ sở hữu**

• **Công ty Cổ phần Logistics Tasa Duyên Hải**

Công ty Cổ phần Logistics Tasa Duyên Hải thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202169288 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 07 năm 2022, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 01 tháng 08 năm 2022. Theo đó:

Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính là kho bãi và dịch vụ logistics.

Công ty nắm giữ 99,00% vốn điều lệ của Công ty con. Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 99,00% tại Công ty con.

• **Công ty CP vận tải Đa phương thức Duyên Hải - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Công ty CP vận tải Đa phương thức Duyên Hải – Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0200793081-001 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2018, thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 06 năm 2023.

• **Công ty CP vận tải Đa phương thức Duyên Hải – Địa điểm kinh doanh tại TP Hà Nội**

Công ty CP vận tải Đa phương thức Duyên Hải – Địa điểm kinh doanh tại TP Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Địa điểm kinh doanh số :001 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 12 năm 2020.

• **Công ty CP vận tải Đa phương thức Duyên Hải – Văn phòng Đại diện tại Tỉnh Thanh Hóa**

Công ty CP vận tải Đa phương thức Duyên Hải – Văn phòng Đại diện tại Tỉnh Thanh Hóa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện số 0200793081-003 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 10 năm 2021.

## **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.**

### **Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

(Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

##### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

##### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại là Tài sản dài hạn.

**Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng hoặc được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

##### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:** Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

##### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

###### 5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

## 5.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

## 6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước:

**Chi phí trả trước ngắn hạn:** Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**Chi phí trả trước dài hạn:** Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

## 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

## 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.**

##### **10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ:** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**10.3. Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá.

**10.4. Doanh thu nhận trước:** Phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm doanh thu chưa thực hiện của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về tiền thuê văn phòng, thuê tài sản.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

## **12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.**

### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:***

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có). Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Quý III năm 2023 là 20%.

**Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### ***Các loại thuế khác***

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

Đơn vị tính: Đồng

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền mặt	120.253.554		608.640.039	
Tiền gửi ngân hàng	122.619.522		622.312.088	
<b>Cộng:</b>	<b>242.873.076</b>		<b>1.230.952.127</b>	
2. Phải thu của khách hàng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>3.013.792.012</b>		<b>6.755.923.160</b>	
Công ty TNHH KD và XNK Trường Thịnh			3.004.861.617	
Công ty TNHH Hapag-lloyd Việt Nam			127.001.704	
Công ty TNHH XNK và TM Hải Linh			679.054.000	
Công ty TNHH TM Thủy Sản Nguyễn Chi	2.681.260.701		2.619.011.236	
Các đối tượng khác	332.531.311		325.994.603	
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>3.013.792.012</b>	<b>-</b>	<b>6.755.923.160</b>	<b>-</b>
<b>3. Trả trước cho người bán</b>				
	Cuối kỳ		Đầu năm	
Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận	70.160.904.000		70.160.904.000	
Các đối tượng khác	1.495.150		62.000.000	
<b>Cộng:</b>	<b>70.162.399.150</b>		<b>70.222.904.000</b>	
4. Phải thu khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>				
<b>+ Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh</b>	<b>108.300.000.000</b>		<b>147.720.000.000</b>	
Công ty TNHH Thương mại TTRICE	30.900.000.000		72.120.000.000	
Công ty CP Bất động sản Hòa Phú			5.600.000.000	
Công ty CP XNK nông sản Phú Thịnh			30.000.000.000	
Công ty CP Thương mại Phát triển Gia Định	12.050.000.000		20.000.000.000	
Công ty TNHH HV Investment	11.250.000.000		20.000.000.000	
Công ty Cổ phần IRIS LAND	54.100.000.000			
<b>+ Đặt cọc</b>	<b>58.600.000.000</b>		<b>45.060.000.000</b>	
Công ty Cổ phần Samco Vina			60.000.000	
Công ty CP Dịch vụ vận tải An Gia	13.600.000.000			
Đặt cọc nhận chuyển nhượng khoản đầu tư - Nguyễn Thanh Phong	45.000.000.000		45.000.000.000	
<b>+ Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>21.929.079.140</b>		<b>2.728.929.294</b>	
<b>Cộng:</b>	<b>188.829.079.140</b>	<b>-</b>	<b>195.508.929.294</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

b. Dài hạn	Cuối kỳ		Đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Phải thu HĐ hợp tác KD-Lê Quốc Huy Minh	30.000.000.000				
Phải thu HĐ ủy thác đầu tư - Trần Lê Thái Minh	20.600.000.000				
Ký cược, ký quỹ	832.742.840		467.808.000		
<b>Cộng:</b>	<b>51.432.742.840</b>	<b>-</b>	<b>467.808.000</b>	<b>-</b>	
<b>5. Hàng tồn kho</b>		<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
Hàng hóa, vật tư để sửa chữa container		-		130.296.375	
<b>Cộng:</b>		<b>-</b>		<b>130.296.375</b>	
<b>6. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 01)</b>					
<b>7. Chi phí trả trước</b>		<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
<b>a. Ngắn hạn</b>					
- Công cụ, dụng cụ				20.541.669	
- Bảo hiểm				11.095.499	
- Khác		14.060.605		22.535.751	
<b>Cộng:</b>		<b>14.060.605</b>		<b>54.172.919</b>	
<b>b. Dài hạn</b>		<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
- Công cụ, dụng cụ		36.847.694		418.397.906	
- Chi phí bảo trì		91.517.510		295.876.033	
- Khác		247.242.380		296.208.933	
<b>Cộng:</b>		<b>375.607.584</b>		<b>1.010.482.872</b>	
<b>8. Phải trả người bán</b>		<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.096.225.900	1.096.225.900	624.822.000	624.822.000	
Công ty TNHH TM và DV TLS		-	333.396.000	333.396.000	
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Việt Á		-	327.996.000	327.996.000	
Công ty TNHH Đại lý vận tải Evergreen VN		-	156.696.000	156.696.000	
Công ty TNHH TM và DV vận tải 5S		-	130.734.000	130.734.000	
Các đối tượng khác	144.317.250	144.317.250	792.611.941	792.611.941	
<b>Cộng:</b>	<b>1.240.543.150</b>	<b>1.240.543.150</b>	<b>2.366.255.941</b>	<b>2.366.255.941</b>	
<b>9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>Cuối kỳ</b>
<b>Phải nộp</b>					
- Thuế giá trị gia tăng	50.718.526	1.673.753.102	1.565.974.442	158.497.186	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	663.093.328	682.789.579	663.093.328	682.789.579	
- Thuế thu nhập cá nhân	16.583.095	599.819.371	250.389.857	366.012.609	
- Thuế môn bài		5.000.000	5.000.000		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

<b>Cộng:</b>		<b>730.394.949</b>	<b>2.961.362.052</b>	<b>2.484.457.627</b>	<b>1.207.299.374</b>
<b>10. Chi phí phải trả</b>			<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>
Chi phí phải trả hãng tàu					671.758.000
<b>Cộng:</b>			<b>-</b>		<b>671.758.000</b>
<b>11. Phải trả khác</b>					
<b>a. Phải trả ngắn hạn khác</b>			<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>
Cổ tức lợi nhuận phải trả			676.025.900		8.102.946.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác			4.446.024.482		2.460.418.962
			<b>5.122.050.382</b>		<b>10.563.365.262</b>
<b>b. Phải trả dài hạn khác</b>			<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>
Ký cược, ký quỹ			15.000.000		15.000.000
<b>Cộng:</b>			<b>15.000.000</b>		<b>15.000.000</b>
<b>12. Vay và nợ thuê tài chính</b>					
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Số tăng trong kỳ</b>	<b>Số giảm trong kỳ</b>	<b>Cuối kỳ</b>	
Công ty CP Logistics Tasa Duyên Hải					45.000.000.000
<b>Cộng:</b>	<b>-</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>45.000.000.000</b>	
<b>13. Vốn chủ sở hữu</b>					
<b>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 02)</b>					
<b>b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>			<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>
Vốn góp của các đối tượng khác			187.110.000.000		187.110.000.000
Cổ phiếu quỹ			-		-
<b>Cộng:</b>			<b>187.110.000.000</b>		<b>187.110.000.000</b>
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức</b>			<b>Năm nay</b>		<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu					
+ Vốn góp đầu năm			187.110.000.000		187.110.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ			-		-
+ Vốn góp giảm trong kỳ			-		-
+ Vốn góp cuối kỳ			187.110.000.000		187.110.000.000
<b>d. Cổ phiếu</b>			<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành			18.711.000		18.711.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng			18.711.000		18.711.000
+ Cổ phiếu phổ thông			18.711.000		18.711.000
+ Cổ phiếu ưu đãi			-		-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại			-		-
+ Cổ phiếu phổ thông			-		-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.711.000	18.711.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu		
<b>e. Cổ tức</b>	<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kế toán năm:	-	10%

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Quý III Năm 2023	Quý III Năm 2022
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Quý III Năm 2023</b>	<b>Quý III Năm 2022</b>
Doanh thu thương mại, dịch vụ		
Doanh thu bãi	63.180.000	7.349.713.415
Doanh thu vận tải	-	4.580.884.509
Doanh thu thương mại, dịch vụ	240.951.684	15.198.865.170
<b>Cộng:</b>	<b>304.131.684</b>	<b>27.129.463.094</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
<b>3. Giá vốn hàng bán thương mại, dịch vụ</b>	<b>Quý III Năm 2023</b>	<b>Quý III Năm 2022</b>
Giá vốn bãi	5.923.914	6.306.226.945
Giá vốn vận tải	-	4.438.944.380
Giá vốn thương mại, dịch vụ	36.216.165	13.217.404.505
<b>Cộng:</b>	<b>42.140.079</b>	<b>23.962.575.830</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Quý III Năm 2023</b>	<b>Quý III Năm 2022</b>
Lãi tiền gửi, lãi đầu tư TC	900.134.311	1.800.769.574
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.005.755	3.500.063
<b>Cộng:</b>	<b>901.140.066</b>	<b>1.804.269.637</b>
<b>5. Thu nhập khác</b>	<b>Quý III Năm 2023</b>	<b>Quý III Năm 2022</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	10.678.519	-
<b>Cộng:</b>	<b>10.678.519</b>	<b>-</b>
<b>6. Chi phí khác</b>	<b>Quý III Năm 2023</b>	<b>Quý III Năm 2022</b>
Chi phí khác	48	-
<b>Cộng:</b>	<b>48</b>	<b>-</b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Quý III Năm 2023</b>	<b>Quý III Năm 2022</b>
Chi phí nhân viên	345.174.000	1.688.072.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.221.726	31.221.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	449.462.016	1.465.199.157
Chi phí bằng tiền khác	27.559.100	191.892.600

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

<u>Cộng</u>	<u>853.416.842</u>	<u>3.376.385.483</u>
<b>8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Quý III Năm 2023</b>	<b>Quý III Năm 2022</b>
Chi phí nhân công	345.174.000	1.688.072.000
Chi phí Khấu hao TSCĐ	31.221.726	31.221.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	491.602.095	25.427.774.987
Chi phí bằng tiền khác	27.559.100	191.892.600
<u>Cộng</u>	<u>895.556.921</u>	<u>27.338.961.313</u>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Quý III Năm 2023</b>	<b>Quý III Năm 2022</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	64.078.660	336.874.283
<u>Cộng</u>	<u>64.078.660</u>	<u>336.874.283</u>

**VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Quản trị rủi ro tài chính.**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

**Phải thu khách hàng**

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**2. Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính)**

Công ty chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

*Đơn vị tính: đồng*

*Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023*

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	242.873.076	242.873.076
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	262.005.270.302	262.005.270.302

*Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023*

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
<b>Ngắn hạn</b>		
Các khoản phải trả ngắn hạn của khách hàng và phải trả ngắn hạn khác	6.362.593.532	6.362.593.532
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả dài hạn khác	15.000.000	15.000.000

**3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp**

**Tại thời điểm**  
**30/09/2023**

**Tại thời điểm**  
**01/01/2023**

**a. Bố trí cơ cấu tài sản:**

- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	28%	16%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	72%	84%

**b. Tỷ suất sinh lợi:**

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	16%	7%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	1%	2%

**c. Tình hình tài chính:**

- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản	15%	5%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	15%	5%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/Tổng vốn chủ sở hữu)	0,00%	0,27%

**4. Nghiệp vụ với các bên liên quan**

**Đơn vị tính: đồng**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu sau:

**Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:**

- Công ty Cổ phần Logistics Tasa Duyên Hải - Công ty con: Công ty sở hữu 99,00% vốn điều lệ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị,.. và tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị,..
- Các cổ đông lớn: Đàm Mạnh Cường, Nguyễn Duy Đình (Theo danh sách cổ đông do VSD chốt ngày 17/05/2023 gần nhất với kỳ báo cáo);
- Các tổ chức khác có liên quan đến Thành viên Hội đồng Quản trị:
- + Công ty Cổ phần Dịch vụ TAZON: Tổ chức có liên quan Thành viên HĐQT đến ngày 24/06/2023;
- + Công ty Cổ phần Oriental Cove: Tổ chức có liên quan Thành viên HĐQT đến ngày 24/06/2023;
- + Công ty TNHH Thương mại Deli Farm : Tổ chức có liên quan Thành viên HĐQT đến ngày 24/06/2023;
- + Công ty Cổ phần AllFarm: Tổ chức có liên quan Thành viên HĐQT đến ngày 24/06/2023;
- + Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức: Tổ chức có liên quan Thành viên HĐQT đến ngày 24/06/2023;
- + Công ty Cổ phần Tổng Công ty Dầu tầm tơ Việt Nam: Tổ chức có liên quan Thành viên HĐQT đến ngày 24/06/2023;
- + Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công(Tên cũ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực): Tổ chức có liên quan Thành viên HĐQT đến ngày 16/06/2023;
- + Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ năng lượng Hoàng Gia: Tổ chức có liên quan Thành viên HĐQT đến ngày 24/06/2023;
- + Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa Hòa Phát: Tổ chức có liên quan Thành viên HĐQT kể từ ngày 24/06/2023;
- + Công ty Cổ phần tư vấn & đầu tư IR Việt Nam: Tổ chức có liên quan Thành viên HĐQT kể từ ngày 24/06/2023;
- + Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Phú Mỹ Quy Nhơn: Tổ chức có liên quan Thành viên HĐQT kể từ ngày 24/06/2023;
- + Công ty CP Tập đoàn KITA Group: Tổ chức có liên quan Thành viên HĐQT kể từ ngày 24/06/2023;
- + Công ty CP ILA: Tổ chức có liên quan người phụ trách quản trị Công ty kể từ ngày 26/09/2023;

**4.2 Các giao dịch với các bên liên quan**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023</b>
<b>- Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>		
1 Công ty Cổ phần Logistics Tasa Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	69.600.000
	Thanh lý TSCĐ	760.000.000
<b>Cộng</b>		<b>829.600.000</b>
<b>- Các khoản phải thu</b>		
1 Công ty Cổ phần Logistics Tasa Duyên Hải	Công nợ phải thu	14.520.000
<b>Cộng</b>		<b>14.520.000</b>
<b>- Các khoản phải trả ngắn hạn khác</b>		
1 Công ty Cổ phần Logistics Tasa Duyên Hải	Công nợ phải trả	3.850.000.000
<b>Cộng</b>		<b>3.850.000.000</b>
<b>- Phải trả vay ngắn hạn</b>		
1 Công ty Cổ phần Logistics Tasa Duyên Hải	Công nợ phải trả	45.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>45.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

<b>- Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác</b>		<b>Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023</b>
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT(hết nhiệm kỳ HĐQT kể từ ngày 24/06/2023)	71.076.923
Ông Phan Thanh Bình	Phó Chủ tịch HĐQT(hết nhiệm kỳ HĐQT kể từ ngày 24/06/2023), Tổng Giám đốc(miễn nhiệm kể từ ngày 04/07/2023)	342.118.538
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT(hết nhiệm kỳ HĐQT kể từ ngày 24/06/2023)	54.461.538
Ông Đào Việt Anh	Thành viên HĐQT(hết nhiệm kỳ HĐQT kể từ ngày 24/06/2023)	34.038.462
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán(hết nhiệm kỳ HĐQT kể từ ngày 24/06/2023)	34.038.462
Ông Phạm Duy	Chủ tịch HĐQT, Thành viên UBKT(từ ngày 30/06/2023), thành viên HĐQT(từ ngày 24/06/2023 đến ngày 30/06/2023)	961.538
Ông Nguyễn Nam Hùng	Thành viên HĐQT(từ ngày 24/06/2023), Chủ tịch HĐQT(từ ngày 24/06/2023 đến ngày 30/06/2023), Tổng Giám đốc(từ ngày 04/07/2023 đến ngày 26/09/2023)	576.923
Ông Phạm Trần Ái Trung	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán(từ ngày 24/06/2023)	576.923
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	106.248.000
Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng(miễn nhiệm kể từ ngày 04/07/2023)	197.052.000
Ông Lê Khánh Toàn	Phụ trách quản trị(miễn nhiệm kể từ ngày 26/09/2023)	174.209.000
<b>Cộng</b>		<b>1.015.358.307</b>

**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Quý III năm 2022 của Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam.

**6. Thông tin về tính hoạt động liên tục**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 10 năm 2023

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thế An

Tổng giám đốc



Bùi Lê Quốc Bảo



**Phụ lục số 01:**

**TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng	Đơn vị tính: đồng	
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>		31.348.182	1.248.869.091	43.727.274		1.323.944.547	
- Mua trong kỳ						-	
- XDCB hoàn thành		-	-	-		-	
- Tặng khác			-			-	
- Chuyển sang BĐS đầu tư			-			-	
- Thanh lý, nhượng bán		31.348.182	1.248.869.091	43.727.274		1.323.944.547	
- Giảm khác						-	
<b>Số dư cuối kỳ</b>		-	-	-		-	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>		31.348.182	405.882.432	43.727.274		480.957.888	
- Khấu hao trong kỳ			93.665.178			93.665.178	
- Tặng khác						-	
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-	
- Thanh lý, nhượng bán		31.348.182	499.547.610	43.727.274		574.623.066	
- Giảm khác			-			-	
<b>Số dư cuối kỳ</b>		-	-	-		-	
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>							
- Tại ngày đầu năm		-	842.986.659	-		842.986.659	
- Tại ngày cuối kỳ		-	-	-		-	

Phụ lục số 02:

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: đồng	
						Tổng cộng	
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	187.110.000.000	29.926.933.100		944.565.060	91.666.575.384	309.648.073.544	
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước					8.948.576.903	8.948.576.903	
Tăng khác			948.863.979	948.863.979		1.897.727.958	
Có tức công bố					7.484.400.000	7.484.400.000	
Lỗ trong năm trước							
Giảm khác			948.863.979				
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	187.110.000.000	29.926.933.100	-	1.893.429.039	3.321.023.926	4.269.887.905	
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	187.110.000.000	29.926.933.100	-	1.893.429.039	89.809.728.361	308.740.090.500	
Tăng vốn trong kỳ					89.809.728.361	308.740.090.500	
Lãi trong kỳ							
Tăng khác			887.665.695	887.665.695	2.651.578.321	2.651.578.321	
Giảm vốn trong kỳ							
Lỗ trong kỳ							
Giảm khác			887.665.695				
<b>4. Số dư cuối kỳ :</b>	187.110.000.000	29.926.933.100	-	2.781.094.734	89.354.476.750	309.172.504.584	